

Số: /KH-THCSĐP

Đan Phượng, ngày tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH
Phát triển giáo dục năm học 2025-2026

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2024-2025

1. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao

1.1. Qui mô trường, lớp:

Cấp học	Trường			Lớp			
	Tổng số	Công lập	Ngoài công lập	Tổng số	Công lập	Ngoài công lập	Bình quân số HS/lớp
3. THCS	01	01		10	10	0	35,8
<i>So với năm học trước</i>	<i>01</i>	<i>01</i>		<i>10</i>	<i>10</i>	<i>0</i>	<i>36,6</i>
Tỉ lệ tăng (+), giảm (-)	0	0		0	0		(-) 0,8
Tổng cộng:	01	01		10	10	0	35,8
<i>So với năm học trước</i>	<i>01</i>	<i>01</i>		<i>10</i>	<i>10</i>	<i>0</i>	<i>36,6</i>
Tỉ lệ tăng (+), giảm (-)	0	0		0	0		(-) 0,8

1.2. Qui mô học sinh:

Cấp học	Số học sinh			
	Tổng số	Công lập	Ngoài công lập	Tỷ lệ huy động đúng độ tuổi
3. THCS Trong đó: HS tốt nghiệp lớp 5 vào học lớp 6	77	77	0	100%

*** Đánh giá qui mô trường, lớp, học sinh:**

Trong năm học 2024-2025 tăng (+) giảm (-) so với năm học trước: số lớp không tăng vẫn duy trì 10 lớp.

+ Quy mô học sinh: năm học 2024-2025 với năm học 2023-2024 số học sinh bình quân/lớp giảm từ 36,6 hs/lớp xuống 35,8 hs/lớp HS (giảm học sinh so với năm học 2023-2024)

1.3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu:

Cấp học	Chỉ tiêu Năm học 2024-2025		Thực hiện đầu năm học 2024-2025 (Tính đến 20/2/2025)		Tỷ lệ đạt % so với kế hoạch	
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
3. THCS	10	368	10	358	100%	97.81%
Tổng cộng:	10	368	10	358	100%	97.81%

Trong đó: Trường THCS:

Khối lớp	Kế hoạch năm học 2024-2025		Thực hiện năm học 2024-2025			
	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Bình quân số HS/lớp	Tỷ lệ đạt so với kế hoạch (đối với HS)
6	2	77	2	77	38,5	100%
7	3	112	3	110	36,66	98,21%
8	2	79	2	81	40,5	102,53%
9	3	94	3	91	30,33	96,8%
Cộng	10	366	10	358	35,8	97,81%

1.4. Thực hiện chương trình; các nhiệm vụ trọng tâm của các cấp học.

1.4.1. Công tác nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động dạy và học:

Năm học 2024-2025, nhà trường triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với tất cả các khối lớp. Thông qua sự chỉ đạo, hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo, nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, của tổ/nhóm chuyên môn, của giáo viên; tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; đẩy mạnh giáo dục STEM, tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, nghiên cứu khoa học, lồng ghép, tích hợp an ninh quốc phòng, ... trong nhà trường; tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh khối theo Thông tư số 22/2021/TT- BGDĐT ngày 20/07/2021.

Trong HKI, năm học 2024-2025, nhà trường đã tổ chức được 04 chuyên đề cấp trường đổi mới phương pháp dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Về chất lượng đào tạo: có 357/358 hs được đánh giá xếp loại (Trong đó 01 học sinh khuyết hòa nhập đánh giá bằng nhận xét).

* **Kết quả học sinh giỏi, năng khiếu và các cuộc thi khác:**

- Cuộc thi Học sinh với ý tưởng khởi nghiệp trường đạt: 01 giải ba cấp huyện; 01 giải ba cấp tỉnh

- HSNK TDTT cấp huyện: Trường đạt 20 giải cấp huyện (05 Vàng; 06 bạc; 07 đồng)

- Giải cờ vua học sinh tỉnh Lâm Đồng trường đạt: 03 giải (03 huy chương đồng nội dung cờ nhanh và cờ chớp);

1.4.2. Công tác chăm lo đời sống và việc thực hiện chính sách xã hội:

Nhà trường đã kết hợp cùng Công đoàn thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị như: Tăng lương, thâm niên, chế độ thai sản... Trong năm học đã thực hiện hợp đồng 01 nhân viên Bảo vệ theo nhu cầu, đảm bảo đúng

vị trí việc làm. Thực hiện việc thăm hỏi, động viên đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên trong các dịp lễ, tết, ốm đau...

Đối với học sinh: Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ khen thưởng, tặng quà đúng đối tượng, đảm bảo khách quan, công bằng, công khai. Tổ chức hoạt động Tết yêu thương cho các học sinh nghèo; phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường hỗ trợ cho các học sinh nghèo vượt khó học giỏi như: 02 suất của Hội khuyến học huyện Lâm hà (1.000.000đ/xuất); 10 suất của Cty thủy điện Đồng nai (700.000đ/xuất); Bí thư và trưởng thông Đoàn kết 100 quyền vở; Cty xăng dầu Đan Phượng 1.000.000đ; Hội nông dân xã Đan Phượng 100 quyển vở. 20 phần quà dịp tết (500.000/phần)

1.4.3. Thực hiện quy chế dân chủ trong trường học:

- Thực hiện ba công khai trong trường học: Thực hiện đúng theo hướng dẫn tại thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/5/2024 của Bộ GD&ĐT về việc quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Thực hiện phân công cụ thể nhiệm vụ của các thành viên trong hội đồng sư phạm trong quy chế dân chủ của đơn vị.

- Trong thực hiện nhiệm vụ, các kế hoạch của đơn vị đều được thông qua hội đồng sư phạm trước khi thực hiện và sau khi kết thúc có đánh giá, rút kinh nghiệm. Mọi cá nhân trong nhà trường đều được tham gia góp ý kiến cho kế hoạch nhà trường.

- Thực hiện đánh giá xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tổ chức thi chọn giáo viên giỏi cấp trường, việc đánh giá xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học, đánh giá viên chức cuối năm theo đúng văn bản hướng dẫn được tiến hành đúng quy trình, đảm bảo khách quan, chính xác.

14.4. Đánh giá về việc thực hiện các phong trào thi đua.

- Công tác thi đua khen thưởng được thực hiện nghiêm túc theo các văn bản hướng dẫn và kế hoạch thi đua của đơn vị. Bình xét, đánh giá thi đua chính xác, khách quan, công bằng, công khai, dân chủ. Tuy nhiên, một số phong trào thi đua còn mang tính hình thức, chưa có chiều sâu. Kinh phí dành cho khen thưởng còn hạn chế.

- Tham gia tốt các phong trào thi đua của ngành và địa phương.

Kết quả: Có 05 giáo viên được công nhận GV giỏi cấp huyện;

1.4.5. Công tác khác:

*** Xây dựng CSVC, cảnh quan trường lớp, công tác xã hội hóa giáo dục:**

- Trang thiết bị dạy học đã được bổ sung khá đầy đủ theo yêu cầu các bộ môn, đáp ứng nhu cầu tối thiểu giảng dạy và học tập.

*** Đoàn thể:**

- Công đoàn: Chính quyền phối hợp với Công đoàn tổ chức và hoạt động, quan tâm công tác chuyên môn và chăm lo đời sống CB-GV-NV.

- Đoàn TN: Tham gia trong các hoạt động phong trào VN-TDĐT cơ quan và địa phương.

- Đội TNTP Hồ Chí Minh: Theo dõi, đánh giá nề nếp học sinh và tham gia tốt các hoạt động do Hội đồng Đội huyện phát động, cụ thể trong HKI Liên Đội trường THCS

Dan Phượng đã thực hiện rất tốt một số nội dung như sau: tham gia đầy đủ các hoạt động các cấp.

- Ban đại diện CMHS: phối hợp khá tốt trong công tác giáo dục đức học sinh. Đồng thời thực hiện theo nội dung kế hoạch và quy chế hoạt động của Ban đại diện CMHS như: phối hợp với Phổ biến chế độ chính sách cho PHHS, triển khai thực hiện nghị quyết 385/HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Lâm Đồng.

1.5. Kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2024:

- PCGD THCS: đạt chuẩn mức độ 3

1.6. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia:

Cấp học	Tổng số trường	Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia (Tính đến 20/02/2025)		Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia (Ước đến 31/7/2024)	
		Số trường	Tỷ lệ	Số trường	Tỷ lệ
THCS	1	1	100		
Tổng cộng	1	1	100		

1.7. Đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao:

a. Ưu điểm:

- Hầu hết cán bộ, giáo viên, nhân viên nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, có tâm huyết với công việc, hoàn thành các nhiệm vụ và một số chỉ tiêu vượt so với đăng ký đầu năm.

- Chất lượng đào tạo đại trà của nhà trường duy trì và có sự tiến bộ về số học sinh khá, giỏi. chất lượng học sinh giỏi đã có bước chuyển biến, tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng đã được duy trì so với năm học trước.

- Các hoạt động mũi nhọn được quan tâm đầu tư đạt kết quả tương đối tốt, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh được quan tâm thực hiện có hiệu quả.

- Công tác thi đua khen thưởng có tác dụng thúc đẩy và nâng cao chất lượng hoạt động toàn diện nhà trường.

- Cơ sở vật chất nhà trường đã được đầu tư, trang bị, bổ sung hàng năm.

b. Tồn tại:

- Một số viên chức chưa chủ động, sáng tạo trong công việc, hiệu quả công việc còn hạn chế.

- Sân trường xuống cấp (úng nước, trơn trượt vào mùa mưa, bụi bẩn vào mùa khô) làm ảnh hưởng tới hoạt động dạy – học của nhà trường.

- Các hoạt động chuyên đề, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động nghiên cứu bài học triển khai chưa đồng bộ, giáo viên chưa xem là nhiệm vụ công tác chuyên môn do đó hiệu quả chưa cao.

- Còn học sinh xếp loại về kết quả rèn luyện và học tập chưa đạt và tỷ lệ còn cao so với chỉ tiêu đề ra tại hội nghị viên chức đầu năm.

c. Nguyên nhân hạn chế:

- Công tác quản lý chỉ đạo, giám sát chưa thường xuyên; sự phối hợp thực hiện kế hoạch giữa lãnh đạo nhà trường, công đoàn, các tổ chuyên môn chưa chặt chẽ;

- Còn cán bộ, đảng viên chưa thể hiện rõ vai trò tiên phong, gương mẫu trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Trong công tác thi đua chưa tạo được phong trào sâu rộng trong tập thể, còn một số cá nhân chưa mạnh dạn đăng ký thi đua từ đầu năm học;

- Một số giáo viên tinh thần nhiệt huyết nghề chưa cao, các tổ chuyên môn, nhà trường, các thể trong nhà trường chưa kịp thời thực hiện đánh giá, chấm điểm theo tiêu chí thi đua để động viên giáo viên tham gia nhiệt huyết với nghề;

d. Bài học kinh nghiệm:

Xây dựng tập thể đoàn kết, phân công phụ trách, chịu trách nhiệm từng mảng công việc từ lãnh đạo nhà trường, tổ chuyên môn, các đoàn thể và GV-NV.

Xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng hoạt động, từng nội dung phong trào thi đua, có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm cho mỗi nội dung phong trào hoạt động.

Kịp thời động viên khen thưởng GV-NV có thành tích trong công tác giảng dạy, hoạt động tại nhà trường, địa phương và ngành.

Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường, tranh thủ sự ủng hộ, quan tâm lãnh đạo từ Đảng ủy, ủy ban nhân dân, HĐND, HĐGD xã Đan Phượng, sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Phòng GD & ĐT Lâm Hà.

Tôn trọng và lắng nghe ý kiến của mọi thành viên trong Hội đồng nhà trường, nghiêm khắc, nhưng phải bao dung và thương yêu học sinh, gần gũi và giúp đỡ các em.

Tiếp tục tiến hành khảo sát, thu thập dữ liệu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình giảng dạy và nhu cầu của học sinh để có những hoạch định phù hợp.

2. Tình hình thực hiện đội ngũ

2.1. Tổng số CBQL, GV, NV:

Cấp học	Tổng	CBQL				Giáo viên				Nhân viên			
		Tổng	MN	TH	THCS	Tổng	MN	TH	THCS	Tổng	MN	TH	THCS
THCS	01	02			01	20			20	04			04
Tổng	01	02			01	20			20	04			04

Đánh giá (tăng, giảm so với năm học trước; thừa, thiếu, lý do)

Sơ với năm học 2023-2024: số CBQL-GV-NV giữ nguyên 26.

2.2. Tổng số CBQL, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo:

Cấp học	CBQL			Giáo viên		
	Tổng	Đạt chuẩn và trên chuẩn (số lượng, tỷ lệ)	Trên chuẩn (số lượng, tỷ lệ)	Tổng	Đạt chuẩn và trên chuẩn (số lượng, tỷ lệ)	Trên chuẩn (số lượng, tỷ lệ)
Mầm non						
Tiểu học						
THCS	02	02 (100%)	0	20	16 (80%)	0
Tổng	02	02 (100%)	0	20	16 (80%)	0

Đánh giá:

- Số giáo viên trong năm học 2024-2025: 20 (bao gồm cả 01 GV làm công tác tổng phụ trách Đội). Đảm bảo các nội dung dạy học với quy định hiện hành.

- 100% CBQL đã được đào tạo chuẩn về CM, giáo viên đã đào tạo chuẩn theo Luật Giáo dục 2019 đạt 80% CBQL; một số đồng chí có nhiều năm là giáo viên dạy giỏi, CSTĐ có tay nghề vững vàng nhiệt tình và có trách nhiệm trong công tác giáo dục học

sinh. Tuy nhiên vẫn còn một số giáo viên có tay nghề còn thấp, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỉ luật thấp, dẫn đến kết quả giáo dục thấp gây ảnh hưởng không tốt tới việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường.

- Nâng cao đạo đức nhà giáo, tăng cường chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo theo quy định.

- Đảm bảo chế độ chính sách đối với nhà giáo. Thực hiện đánh giá cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên bảo đảm thực chất, gắn với thi đua, khen thưởng kịp thời, nhằm nâng cao đời sống, tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo chuyên tâm với nghề.

2.3. Tổng số lao động hưởng lương từ ngân sách:

Cấp học	Số lao động hưởng lương từ ngân sách	Định biên được giao	Tỷ lệ lao động hưởng lương từ ngân sách so với định biên	Ghi chú
THCS	26	26	100%	
Tổng	26	26	100%	

Đánh giá: Thực hiện đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

2.4. Giáo viên theo cấp học, theo từng bộ môn (thừa, thiếu, lý do): số giáo viên đủ theo cơ cấu bộ môn.

2.5. Biên chế giáo viên/lớp (Không tính giáo viên TPT)

Cấp học	Tổng số giáo viên	Tổng số lớp	Số giáo viên/lớp	Ghi chú
THCS	19	10	1.9	

Đánh giá: (so với qui định hiện hành): Đảm bảo đúng quy định hiện hành

2.6. Đánh giá về đội ngũ:

- Công tác phát triển đội ngũ trong nhà trường được quan tâm và đầu tư đúng mức. Hàng năm, nhà trường tích cực tham mưu cho phòng Giáo dục những giáo viên có năng lực phẩm chất làm cán bộ nguồn.

- Động viên cán bộ, giáo viên đăng ký và tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đặc biệt tạo điều kiện để 04 giáo viên chưa đảm bảo trình độ theo quy định tại Luật giáo dục 2019 tiếp tục được học tập để đạt chuẩn theo Luật định

- Tiếp tục tổ chức thực hiện Quy định đạo đức nhà giáo và cuộc vận động các phong trào thi đua do ngành tổ chức.

- Năng lực giảng dạy của đội ngũ giáo viên: Đa số giáo viên có năng lực giảng dạy tốt, tích cực áp dụng đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng các phương tiện dạy học, ứng dụng CNTT trong giảng dạy nhằm gây hứng thú học tập cho học sinh. Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong đơn vị

3. Tình hình thực hiện cơ sở vật chất và trang thiết bị

3.1. Tổng số phòng học:

Cấp học	Tổng số phòng học	Trong đó			
		Kiên cố	Bán kiên cố	Hư hỏng, cần sửa chữa	Tạm, mượn

Mầm non - Nhà trẻ - Mẫu giáo					
Tiểu học					
THCS	11	11	0	0	0
Tổng					

3.2. Tổng số phòng chức năng:

Các phòng chức năng	Tổng cộng	Trong đó		
		Mầm non	Tiểu học	THCS
Trong đó:	0			0
+ Phòng GD thể chất/nhà đa năng				
+ Phòng vi tính	1			1
+ Phòng thiết bị	1			1
+ Phòng thí nghiệm Lý	1			1
+ Phòng thí nghiệm Hóa	1			1
+ Phòng thí nghiệm Sinh	1			1
+ Phòng truyền thống	0			0
+ Phòng hoạt động Đội	1			1
+ Phòng y tế học đường	1			1
+ Phòng thư viện	1			1
+ Phòng Hiệu trưởng	1			1
+ Phòng Phó hiệu trưởng	1			1
+ Phòng Giáo viên	0			0
+ Văn Phòng	1			1
+ Phòng họp (kể cả hội trường)	1			1
+ Phòng khác: Nghệ thuật	1			1

3.3. Trang thiết bị

3.4. Đánh giá về cơ sở vật chất và trang thiết bị:

- Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách kết hợp với các nguồn huy động khác để cải tạo CSVC cho nhà trường.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát thực trạng thiết bị dạy học để có kế hoạch sửa chữa, bổ sung kịp thời

- Tăng cường đầu tư để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đảm bảo đúng lộ trình xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2020 – 2025 và 2025-2030 theo yêu cầu của phòng Giáo dục.

4. Một số chỉ tiêu khác năm học 2024-2025

- Hiệu quả đào tạo:

Cấp học	Tuyển sinh	Hiệu quả đào tạo	Tỷ lệ
- Tiểu học	Tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2024-2025	Ước hoàn thành chương trình tiểu học năm học 2024-2025	
	Tuyển sinh vào lớp 6	Ước tốt nghiệp THCS	

- THCS	năm học 2024-2025	năm học 2024-2025	
	77/77	91/91	

- Số HS lên lớp, lưu ban, bỏ học:

Khối lớp	Tổng số HS	Lên lớp		Lưu ban		Bỏ học		Chuyển đi	Chuyển đến
		SL	%	SL	%	SL	%		
6	76	76	100	0	0	01	0	01	01
7	110	110	100	0	0	01	0	01	01
8	81	81	100	0	0	0	0	0	02
9	91	91	100	0	0	0	0	02	02
Cộng	358	358	100	0	0	2	0,55	04	06

5. Kết quả thực hiện việc rà soát qui hoạch mạng lưới trường lớp, triển khai quy hoạch mạng lưới trường lớp đã được phê duyệt: trong năm học 2024-2025, nhà trường đã thực hiện đúng kế hoạch mạng lưới trường lớp đã được phê duyệt của Phòng GD&ĐT, thực hiện định biên do ngành giao cho. Phân công công tác cho CB-GV-NV đúng với vị trí việc làm quy định.

6. Đánh giá chung

6.1. **Ưu điểm:** Nhà trường đã tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trọng tâm của năm học 2024-2025, chất lượng giáo dục được nâng cao, công tác bồi dưỡng học sinh giỏi được nhà trường đầu tư bồi dưỡng. Trong năm học nhà trường đã có học sinh giỏi, giáo viên giỏi các cấp. Công tác xã hội hoá sự nghiệp giáo dục nhà trường đã thực hiện đầy đủ đúng các văn bản hướng dẫn của lãnh đạo các cấp từ đó từng bước tăng cường cơ sở vật chất nhà trường và tôn tạo cảnh quan sư phạm.

6.2. Tồn tại, hạn chế:

Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm nêu trên, trong năm học 2024-2025 nhà trường còn một số tồn tại cần khắc phục cho những năm học sau như: Chất lượng giáo dục đại trà còn thấp, Việc đổi mới phương pháp dạy học, KT đánh giá học sinh của giáo viên còn chậm; Thiết bị dạy học khối 7,8,9 chưa được cấp cũng gây khó khăn trong việc thực hiện chương trình dạy và học của GDPT 2018.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Ban hành kèm theo Thông tư 32/2020/TTBGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Căn cứ các chủ trương, chính sách, định hướng của Đảng và Nhà nước; các Nghị quyết của các cấp ủy, chính quyền địa phương và giáo dục đào tạo;

Căn cứ công văn số 144/CV-GD ngày 10/02/2025 của phòng GD&ĐT Lâm Hà về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển GD&ĐT năm học 2025-2026;

Căn cứ các Chỉ thị, Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của địa phương về phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục đào tạo năm 2025;

Căn cứ số liệu về biến động dân số của địa phương xã Đan Phượng;

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục hàng năm nhằm mục tiêu thực hiện chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường và địa phương. Thực hiện các mục tiêu về giáo dục đào tạo của bậc học trong năm học và những năm học tiếp theo. Từ đó hoạch định được quy mô trường lớp và xây cơ sở vật chất cho nhà trường đạt và duy trì các tiêu chí của trường chuẩn quốc gia.

2.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể:

Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục nhằm định hướng được quy mô nhà trường, từ đó xác định được một số chỉ tiêu về đội ngũ, học sinh, cơ sở vật chất và dự kiến được chất lượng đào tạo của năm học và các năm học tiếp theo; Cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập để tạo môi trường học tập thuận lợi và kích thích sáng tạo cho học sinh; Tạo ra các chương trình giáo dục toàn diện, bao gồm học tập, thể chất và kỹ năng sống; Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với phụ huynh và cộng đồng để hỗ trợ các hoạt động giáo dục...

3. Nội dung

3.1. Qui mô trường, lớp, học sinh (có so sánh với năm học 2024-2025)

- Số trường, lớp:

Cấp học	Trường			Lớp			
	Tổng số	Công lập	Ngoài công lập	Tổng số	Công lập	Ngoài công lập	Bình quân số HS/lớp
3. THCS	1	1		10	10		36,3
<i>So với năm học trước</i>	1	1		10	10		36,3
Tỉ lệ tăng (+), giảm (-)							(+) 0,5

Trong năm học 2025-2026 tăng (+) giảm (-) so với năm học trước: số lớp giữ nguyên 10 so với năm học 2024-2025.

+ Quy mô học sinh: số học sinh bình quân/lớp tăng từ 35,8 hs/lớp lên 36,3 hs/lớp (vì tăng 05 học sinh so với năm học 2024-2025).

- Số học sinh:

Cấp học	Số học sinh			
	Tổng số	Công lập	Ngoài công lập	Tỷ lệ huy động đúng độ tuổi
3. THCS Trong đó: HS tốt nghiệp lớp 5 vào học lớp 6	96	96	0	100

- Trường THCS:

Khối lớp	Thực hiện năm học 2024-2025		Kế hoạch năm học 2025-2026		
	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Bình quân số HS/lớp
6	2	76	3	96	32
7	3	110	2	76	38
8	2	81	3	110	36,66
9	3	91	2	81	40,5
Cộng	10	358	10	363	36,3

3.2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục

- Thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục: Đảm bảo thực hiện đầy đủ và đúng chương trình và kế hoạch giáo dục do Bộ giáo dục và Sở giáo dục quy định.

- Đổi mới hình thức tổ chức dạy học bằng cách tăng cường ứng dụng CNTT vào dạy học, lấy học sinh là nhân vật trung tâm trong quá trình dạy học, tăng cường công tác kiểm tra nội bộ...

- Thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh dân tộc: Đảm bảo đầy đủ đúng chính sách đối với học sinh dân tộc.

3.3. Xây dựng trường chuẩn quốc gia và công tác phổ cập giáo dục:

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đối với công tác PCGD-XMC. Nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp.

- Làm tốt công tác tuyên truyền để các ngành, các cấp, các tầng lớp nhân dân hiểu rõ về chủ trương và hiệu quả của công tác phổ cập đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá công tác PCGD-XMC; kịp thời động viên, khen thưởng cá nhân có thành tích tiêu biểu trong công tác PCGD-XMC.

- Huy động 100% HS 6 tuổi vào lớp 1, 100% hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6. Nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục, tăng tỉ lệ chuyên cần, hạn chế tỉ lệ học sinh bỏ học. Phấn đấu duy trì vững chắc tỉ lệ PCGD TH và THCS mức độ 3. Duy trì XMC mức độ 2

3.4. Xây dựng đội ngũ:

- Tăng cường xây dựng đội ngũ giáo viên và CBQL đảm bảo chất lượng và số lượng quy định.

- Nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn của CBQL, giáo viên

- Tăng cường quản lý đội ngũ giáo viên, nhân viên theo các quy định của nhà nước và ngành giáo dục.

3.5. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Nhà trường cơ bản có đủ phòng học, phòng bộ môn, thư viện, phòng thí nghiệm và các phòng hoạt động của các bộ phận; Tuy nhiên, sân chơi bãi tập còn thiếu mái che; Sân trường xuống cấp – trơn trượt vào mùa mưa, bụi bẩn vào mùa khô; dụng cụ luyện tập cho hoạt động giáo dục thể chất chưa được đầu tư nâng cấp; Thiết bị dạy học phục vụ cho chương trình giáo dục phổ thông 2018 các khối 7,8,9 chưa được cấp

3.6. Thực hiện chính sách dân tộc:

Đảm bảo quyền lợi cho các dân tộc thiểu số trong tất cả các lĩnh vực theo quy định

4. Các giải pháp thực hiện kế hoạch

- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý chỉ đạo của BGH và các tổ chuyên môn trong nhà trường, nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức và phương pháp giảng dạy của giáo viên để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; đặc biệt ưu tiên mọi nguồn lực cho việc thực hiện thành công chương trình GDPT 2018, tạo điều kiện cho giáo viên tập huấn chuyên môn nghiệp vụ nhất là các môn tích hợp. Khuyến khích giáo viên tham gia các hội thảo, hội nghị để cập nhật kiến thức mới. Sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy để nâng cao chất lượng học tập.

- Đẩy mạnh công tác thi đua khen thưởng nhằm động viên khích lệ kịp thời những cá nhân, tập thể đạt thành tích trong năm học. Tạo ra phong trào thi đua sôi nổi trong các hoạt động của nhà trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ của nhà trường, nhằm kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót trong các hoạt động của nhà trường. Từ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường.

- Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục, nhằm chanh thủ sự giúp đỡ của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, các đoàn thể và nhân dân ủng hộ cho các phong trào giáo dục của nhà trường.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào công tác quản lý, chỉ đạo và các hoạt động của nhà trường, nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý, chỉ đạo và hiệu quả công tác giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh.

- Tăng cường công tác tham mưu với các cấp để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo chương trình dạy học GDPT 2018. Tìm kiếm nguồn ngân sách từ nhà nước và các tổ chức xã hội để đầu tư cho cơ sở vật chất và thiết bị học tập. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng và doanh nghiệp trong việc tài trợ cho giáo dục.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đối với UBND huyện Lâm Hà:

- Sớm có kế hoạch đầu tư cải tạo khuôn viên nhà trường như: sửa hệ thống thoát nước và lát sân trường (Do sân đã xuống cấp, mùa mưa đọng nước trơn trượt gây nguy hiểm cho giáo viên và học sinh, mùa khô bụi bẩn để trường đảm bảo lộ trình công nhận lại trường chuẩn Quốc gia.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- UBND xã;
- Lưu: VT; Hsư KHPTGD nhà trường.

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Minh Huệ